HIỆP ƯỚC MONGUILLOT VÀ SỰ THAY ĐỔI TRONG BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN TRIỀU NGUYỄN SAU NĂM 1925

NGUYỄN VĂN KHÁNH *

Để thôn tính nước Đại Nam, thực dân Pháp đã từng bước khuất phục triều đình Nguyễn, buộc vua quan triều Nguyễn phải nhân nhượng ký kết với Pháp từ hiệp ước này đến hiệp ước khác và cuối cùng là Hiệp ước Patenôtre vào ngày 6-6-1884 chấp nhận trở thành thuộc địa của nước Pháp. Nhằm độc chiếm quyền cai trị Việt Nam, chính quyền Pháp còn ký Quy ước Thiên Tân với triều đình Mãn Thanh nhằm loại bỏ ảnh hưởng và các quan hệ của Trung Quốc với nước Đại Nam. Tính cả quá trình xâm lược và cai trị Việt Nam, ngoài các hiệp ước Nhâm Tuất (năm 1862), Giáp Tuất (1874), Quý Mùi (1883), Giáp Thân (1884), thực dân Pháp còn tìm cách thu hẹp rồi tiến đến loại bỏ hoàn toàn quyền lực của triều đình Nguyễn thông qua các văn bản, nghị định, nhất là bản hiệp ước ký giữa Toàn quyền Monguillot với triều Nguyễn ngay sau khi vua Khải Định mất vào ngày 6-11-1925. Đây là bước đi khôn khéo và đầy toan tính của thực dân Pháp nhằm vô hiệu hoá và cướp đi những quyền lực cuối cùng của triều đình Nguyễn để giành độc quyền cai trị Việt Nam, trước khi phát xít Nhật kéo vào Đông Dương từ năm 1940.

Tuy nhiên, từ trước tới nay, Hiệp ước (convention) Ất Sửu (1925) giữa chính quyền Pháp với triều đình Nguyễn hầu như không được nhắc tới ngay trong các công trình thông sử Việt Nam thời kỳ cận đại.

Có một vài cuốn sách sử mặc dù có đề cập đến các hiệp định đã ký kết giữa Pháp và triều đình Nguyễn nhưng lại chủ yếu nói về các hiệp ước vào nửa sau thế kỷ XIX, như các sách *Việt Nam sử lược* xuất bản lần đầu năm 1920 (Trần Trọng Kim, Đà Nẵng, 2017), *Việt Nam bang giao sử lược từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX* xuất bản lần đầu năm 1950 (Phan Khoang, Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017). Nhưng công trình tập hợp và biên dịch tương đối đầy đủ hơn cả các hiệp ước đã ký giữa triều đình Nguyễn với Pháp vào nửa cuối thế kỷ XIX là cuốn *Bước đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam (1858-1897)* đã được dịch và in tại Việt Nam cách đây mấy năm (Nguyễn Xuân Thọ, Hồng Đức, Hà Nội, 2017). Trong cuốn sách này, các hiệp ước Pháp - Nam dưới các tên gọi khác nhau đã được đưa vào phần Phụ lục, bao gồm: *Hiệp ước giữa Pháp và vua Nam Kỳ* (năm 1787), *Hiệp ước Sài Gòn ngày 5-6-1862*, *Hiệp ước Aubaret ngày 15-7-1864*, *Hiệp ước ngày 15-*

*GS.TS. Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội

3-1874, *Hiệp ước Harmand ngày 15-8-1883*, *Hiệp ước Patenôtre ngày 6-6-1884*, *Thỏa ước Thiên Tân ngày 11-5-1884*. Đây đều là các hiệp ước đã được Pháp ký với triều đình nhà Nguyễn vào các thập kỷ 60, 70 và 80 của thế kỷ XIX.

Đối với bản Hiệp ước Monguillot, tài liệu đầu tiên có đề cập đến là cuốn sách "*83 năm… nước Pháp với Việt Nam đã mấy lần ký hiệp ước*" (Nguyễn Kỳ Nam, công bố lần đầu năm 1946, tái bản tại Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2016). Trong tập sách này ở trang 28, tác giả đã giới thiệu một vài thông tin về bản Hiệp ước. Nhưng điều đáng nói là, có thông tin chưa chính xác, như gọi đây là *Hiệp ước 15 Novembre 1925*. Thực ra, bản Hiệp ước giữa triều Nguyễn với Pháp là do Hội đồng Phụ chính và Toàn quyền Monguillot đại diện; còn thời điểm ký kết là vào ngày 6-11-1925, chứ không phải ngày 15-11-1925 (1).

Từ sau năm 1975, trên phạm vi cả nước, công trình Sử học đầu tiên đề cập đến Hiệp ước này là cuốn *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945* (2) (Dương Kinh Quốc, Hà Nội 1988, tái bản 2005). Trong công trình này, tác giả Dương Kinh Quốc chỉ nêu hai nội dung chính trong bản Quy ước gồm quyền lực của Khâm sứ Trung Kỳ và vai trò của Hội đồng Phụ chính triều Nguyễn. Tuy nhiên, các nội dung trên lại thiếu nguồn tài liệu minh dẫn cụ thể. Cũng trong năm này, cuốn *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1919-1945*, (Dương Trung Quốc, Hà Nội, 1988, tái bản 2001) cũng giới thiệu về bản Quy ước đã ký giữa triều Nguyễn và chính quyền Pháp ở Đông Dương vào tháng 11 năm 1925. Nhưng do tính chất và yêu cầu trình bày sự kiện của một công trình dưới dạng biên niên nên mục đích, nội dung Hiệp ước chỉ được đề cập một cách sơ lược. Sang thập niên đầu thế kỷ XXI mới có thêm một cuốn sách khác viết về bản Hiệp ước này, đó là cuốn *Lịch sử Việt Nam, tập VIII 1919-1930* (Tạ Thị Thúy (chủ biên), Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007). Bảy năm sau đó, cuốn sách này được bổ sung và in lại trong khuôn khổ công trình lịch sử Việt Nam gồm 15 tập do Viện Sử học chủ trì, mang tên *Lịch sử Việt Nam, tập 8 từ năm 1919 đến năm 1930* (Tạ Thị Thúy (chủ biên), Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013). Trong hai công trình nói trên đều có một nhận xét giống nhau là: "Theo Thỏa ước 6-1-1925 (ký giữa Varenne và Triều đình Huế ngay sau khi vua Khải Định chết), Khâm sứ Trung Kỳ có quyền định chế ở Trung Kỳ, qua hình thức các nghị định, đối với mọi vấn đề về bản xứ, dưới sự giám sát của Toàn quyền, trừ vấn đề liên quan đến hiến pháp và lễ nghi" (3) (Tạ Thị Thúy (chủ biên), Khoa học xã hội, Hà Nội 2007, tr.82) và (Tạ Thị Thúy (chủ biên), Khoa học xã hội, Hà Nội 2013, tr.84). Đoạn diễn giải đó không dài nhưng có vài thông tin chưa thật chuẩn xác, trong đó có nhân vật đại diện chính quyền Pháp ký Hiệp ước này với triều đình Nguyễn không phải là A.Varenne mà là F.Monguillot (4), khi đó đang là Toàn quyền Đông Dương.

Như vậy, cho đến nay cũng đã có một vài cuốn sách đề cập tới bản Quy ước năm 1925 ký giữa triều đình Huế và chính quyền Pháp, nhưng nội dung còn rất sơ sài và hầu hết đều không có minh chứng về nguồn sử liệu. Trên cơ sở tiếp cận và khai thác toàn văn bản Quy ước Mongillot cũng như các nguồn tài liệu xác thực, tin cậy khác, bài viết tập trung trình bày bối cảnh, giới thiệu nội dung và phân tích làm rõ những biến đổi trong bộ máy và vai trò của chính quyền triều Nguyễn dưới tác động của bản Hiệp ước này từ sau năm 1925.

1. Vua Khải Định và triều đình Huế trước năm 1925

Bên cạnh hệ thống chính quyền của Pháp, từ cuối thế kỷ XIX cho đến đầu thế kỷ XX, hệ thống chính quyền triều Nguyễn vẫn còn tồn tại theo các điều khoản của Hiệp ước Harmand (1883) và Patenôtre (1884).

Sau khi vua Đồng Khánh chết vào năm 1889, triều đình Huế còn trải qua hai đời vua nữa là Thành Thái và Duy Tân rồi mới đến Khải Định. Vua Khải Định tên khai sinh Nguyễn Phúc Bửu Đảo là con trai trưởng vua Đồng Khánh và bà Tam Giai Dương Thị Thục, sinh ngày 8-10-1885, là vị vua thứ 12 của triều đình nhà Nguyễn.

Trong thời gian đứng đầu triều đình Nguyễn từ ngày 18-5-1916 đến khi băng hà vào ngày 6-11-1925, vua Khải Định chủ trương giữ quan hệ "hòa thuận" với người Pháp, nên hầu như không để xảy ra những va chạm lớn với chính quyền thực dân Pháp. Các viên toàn quyền Đông Dương trong thời gian này chủ yếu theo đường lối "liên hiệp" (association) giữa chính quốc với thuộc địa nên tìm cách tranh thủ và lôi kéo vua Khải Định và các đình thần trong triều.

Trên phương diện hành chính, vua đứng đầu triều đình và bộ máy chính quyền quân chủ, còn triều đình trực tiếp giúp vua cai trị đất nước. Đứng đầu triều đình là *Hội đồng Phụ chính* gồm bốn viên quan mang hàm "chánh nhất phẩm", tước hiệu "Đại học sĩ" là "Tứ trụ triều đình", có chức năng tham vấn cho Triều đình. Bốn viên đại quan này tạo thành *Hội đồng phụ chính* để thay mặt vua điều hành công việc của triều đình.

Viện Cơ mật gồm bốn Thượng thư đứng đầu bốn bộ quan trọng nhất của triều đình, cũng đồng thời là thành viên của *Hội đồng phụ chính*. Chức năng của *Viện cơ mật* là giúp Vua đề ra đường lối trị quốc và lãnh đạo quốc gia (5). Vào đầu năm 1920, *Viện Cơ mật* gồm Tôn Thất Hân (Thượng thư bộ Hình), Nguyễn Hữu Bài (Thượng thư bộ Lại và bộ Hộ), Hồ Đắc Trung (Thượng thư bộ Học và bộ Lễ), Đoàn Đình Duyệt (Thượng thư bộ Công và bộ Binh).

Cơ cấu *các bộ* trong thời kỳ này vẫn có sáu bộ gồm: Lại, Hộ, Hình, Lễ, Công, Binh; mỗi bộ do một *Thượng thư* đứng đầu. Bộ chia thành các Ty, do *Tham Tri* phụ trách, dưới Tham Tri là *Thị Lang* và một số viên quan giúp việc có phẩm hàm từ Tòng tam phẩm xuống đến Tòng ngũ phẩm. Các Thượng thư đứng đầu các bộ họp lại thành *Hội đồng Thượng thư* có nhiệm vụ bàn bạc và thực hiện chỉ đạo các công việc thuộc các bộ.

Viện Đô sát do viên quan *Đô Ngự sử* đứng đầu, trực thuộc nhà vua có trách nhiệm theo dõi, kiểm soát mọi hoạt động của quan lại các cấp của triều đình. Cơ cấu của *Viện Đô sát* vào đầu những năm 1920 gồm Kiểm quan, Chưởng ấn, Ngự sử. *Kiểm quan* là Thượng thư Đoàn Đình Duyệt, thành viên của *Viện Cơ mật*. Nhưng vai trò của viên quan này cũng như của Viện Đô sát cũng dần giảm sút và ngày càng bị lệ thuộc vào chính quyền thực dân Pháp.

Phủ Tôn nhân được triều đình duy trì để giúp giải quyết các công việc của các thân vương, công tử, công tôn và trông nom đền miếu của hoàng tộc.

Nền hành chính của triều đình do đội ngũ quan lại và viên chức đảm nhiệm, bao gồm các ngạch dân sự và quân sự. Hệ thống quan giai của mỗi ngạch chia làm 9 bậc, mỗi bậc chia 2 hạng chánh và tòng. Các vị quan cao nhất thuộc "tứ trụ". Nhưng chỉ có quan nhiếp chính và Thượng thư mới đứng vào hàng ngũ tứ trụ (6). Triều đình Huế về nguyên tắc nắm quyền cai quản Kinh đô Huế và các xứ bảo hộ, bổ nhiệm và quản lý các ngạch quan cai trị ở các tỉnh Bắc và Trung Kỳ. Nhưng trên thực tế, triều đình

ngày càng mất dần vị trí và vai trò trước sức ép của chính quyền thực dân Pháp.

Trong thời gian ở ngôi, trước tác động của thời cuộc, vua Khải Định cũng có cố gắng nhằm duy trì hoạt động triều chính. Ông đưa ra cương lĩnh hành động sau khi lên ngôi bao gồm ba điều: "Một là tôn quân quyền, hai là khai dân trí, ba là làm dân giàu" (7). Ông cũng nhiều lần răn dạy đình thần và khẳng định: "Triều đường là nơi bàn việc chính trị… Nếu ra triều một mình trẫm nói, triều sĩ nghe xong bãi triều ra về, thì đó là nơi diễn thuyết, không phải là nơi bàn việc chính trị" (8).

Trong lĩnh vực kinh tế, triều đình Khải Định khuyến khích áp dụng và sáng tạo các thành tựu khoa học, kỹ thuật mới. Ví dụ, năm 1919, triều đình ủng hộ việc ban hành và sử dụng tiền giấy để thay thế dần tiền kẽm. Vua Khải Định còn ban thưởng Bạch Thái Bưởi hàm Hàn Lâm Thị độc (tương đương quan văn ở trật chánh ngũ phẩm), và Nguyễn Văn Phúc hàm Hàn Lâm viện Kiểm thảo (tương đương quan văn ở trật chánh thất phẩm), vì có công chế tạo được tàu Bình Chuẩn (9). Con tàu này dài 46 mét, rộng 7,2 mét, cao 3,6 mét, có 400 mã lực. Sau khi hạ thủy ngày 7-9-1919, tàu Bình Chuẩn chạy từ Hải Phòng qua Bến Thủy (Nghệ An) vào tới Đà Nẵng. Ngoài ra, triều đình còn cho phép dùng máy bay là phương tiện hiện đại lúc bấy giờ để thí nghiệm đo vẽ ruộng đất ở Nghệ An hai lần vào các năm 1921 và 1924. Năm 1922, triều đình cho đặt máy điện thoại trong Đại Nội (từ lầu Kiến Trung tới Nội các, từ Nội các đến Viện Cơ mật, và từ Viện Cơ mật tới các cơ quan của Toàn Khâm sứ Pháp.

Trong xu thế duy tân cải cách kinh tế xuất hiện mạnh mẽ từ thập niên đầu thế kỷ XX, triều đình cũng không bài xích, trái lại khá quan tâm đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bằng chứng là năm 1918, triều đình đã tặng thưởng Bùi Huy Tín hàm Hàn Lâm viện Trước tác do có nhiều công lao đóng góp phát triển các ngành nông công thương (10). Nguyễn Văn Tán cũng được thưởng hàm Hàn Lâm viện Biên tu (tương đương quan văn ở trật chánh thất phẩm) vì đã lập ra lò gốm Thanh Trì (11).

Trong lĩnh vực giáo dục, đáng chú ý là trong bối cảnh chính quyền Pháp ra sức tìm cách loại bỏ khoa cử và nền Hán học tại Việt Nam thì vua Khải Định vẫn cố gắng tổ chức kỳ thi Hội. Trong khóa thi cuối cùng này ở Kinh đô Huế, chủ khảo là Tổng đốc Bình Phú Võ Liêm, còn Thị lang bộ Hình Nguyễn Văn Trình là Phó chủ khảo. Số người đỗ Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ là 7 người, và 16 đỗ Phó bảng (12).

Trên lĩnh vực báo chí, triều đình cũng có động thái khích lệ nghề xuất bản và các hoạt động báo chí. Cụ thể là, năm 1920, Triều đình khen thưởng Bùi Huy Tín vì có công sáng lập tờ *Thực Nghiệp dân báo* tại Hà Nội. Nguyễn Văn Luận và Đặng Huy Lục cũng được thăng thưởng do tham gia biên tập báo *Trung Bắc Tân văn* (13).

Vua Khải Định cũng là người biết coi trọng văn hóa truyền thống của dân tộc. Năm 1919, ông chuẩn truy tặng cho Nguyên Tế tửu Quốc tử giám, Tham Tri bộ Lễ Khiếu Năng Tĩnh (14) hàm Lễ bộ Thượng thư vì có đóng góp lớn trong lĩnh vực giáo dục, "công lao đáng bậc Quốc sư" (15). Cuối năm 1922, vua Khải Định còn chuẩn y đề xuất của Nội các cho tổ chức biên soạn bộ sách của hai triều vua Đồng Khánh (từ tháng 8-1885 đến tháng 12-1888) và vua Khải Định (từ tháng 4-1916 đến năm 1923). Nhưng theo ý chỉ của nhà vua, sách "chỉ lựa chọn xem xét những cái mang tính chất khuôn phép dạy bảo có liên

quan đến chính thể, bang giao…" để gửi sang cho Đông cung Thái tử (tức Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy đang du học ở Pháp) đọc nắm được những điều cốt lõi" (16).

Đối với chủ quyền đất nước trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, triều Nguyễn cũng có quan điểm khẳng định quyền chủ quyền dứt khoát, không tranh cãi của Việt Nam, thể hiện trong thư của nguyên Thượng thư bộ Binh Thân Trọng Huề gửi Khâm sứ Trung Kỳ ngày 3-3-1925. (Điều này đã được Khâm sứ Lo Fol nói đến mấy năm sau, trong báo cáo gửi Toàn quyền Đông Dương ngày 22-1-1929).

Tuy vậy, ngoài những hoạt động vụn vặt nói trên, với chủ trương ôn hòa, tự nguyện cộng tác với Chính phủ Pháp, vua Khải Định hầu như lệ thuộc hoàn toàn vào chính quyền thuộc địa Pháp mà không hề chủ động đề ra và thực hiện bất cứ một chủ trương, chính sách nào để quản lý và phát triển đất nước, kể cả ở khu vực Trung Kỳ. Những câu ca dao như: "Tiếng đồn Khải Định nịnh Tây, Nghề này thì lấy ông này tiên sư" hay những câu chuyện lan truyền trong dân gian về thói ăn chơi, tiêu tốn công quỹ của vua Khải Định càng làm mất uy tín của người đứng đầu triều đình Huế.

Để củng cố ngai vàng và vị thế của hoàng tộc, tháng 5-1922, vua Khải Định thực hiện chuyến công du sang Pháp dưới danh nghĩa tham dự Hội chợ Marseille.

Chuyến đi Pháp và thời gian gần 4 tháng ở Pháp, vua Khải Định đã bị dư luận trong nước và cộng đồng người Việt Nam tại nước Pháp phản đối và phê phán kịch liệt. Tại thành phố Marseille, chí sĩ Phan Châu Trinh đã viết *Thất điều thư*, kể bảy tội của vua Khải Định, gộp chung lại có ba tội chính là: 1- Tội tôn quân quyền. Đây là tội được Khải Định đặt lên làm đầu và nhiều lần đề cao trước đình thần, 2- Tội xa xỉ vô đạo, và 3- Tội sang Pháp làm việc ám muội. Có ý kiến cho rằng, vua Khải Định và đoàn tùy tùng sang Pháp có ý định vận động chính giới Pháp trở lại thực hiện theo đúng bản Hiệp ước Giáp Thân (1884) (17). Nhưng điều này chưa có chứng cứ và tư liệu xác thực. Còn trên thực tế, trong chuyến đi Pháp bắt đầu từ ngày 15-5-1922 đến ngày 10-9-1922, ngoài mục đích du ngoạn mẫu quốc, Khải Định còn mong muốn tìm nơi để gửi gắm và xin học cho Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy lúc bấy giờ mới gần 9 tuổi, nhằm chuẩn bị điều kiện thuận lợi cho người con trai duy nhất của mình kế nghiệp ngôi vua sau này. Chính vua Khải Định đã từng khẳng định rằng: "Việc Hoàng Thái tử xuất dương du học đã được đề cập rõ trong lời Dụ về chuyến Ngự giá sang Tây của trẫm" (18). Bên cạnh công việc cá nhân, trong chuyến đi Pháp này, vua Khải Định còn hy vọng tăng cường thắt chặt quan hệ giữa Nam triều và chính phủ Pháp nhằm bảo vệ và củng cố ngôi báu của mình. Thấu hiểu mưu đồ đó của vua Khải Định, Phan Châu Trinh cho cách làm ấy là thất sách, "muôn phần không có một phần nào thành công được" (19). Chính vì vậy, Phan Châu Trinh đã cảnh tỉnh: "Nếu Bệ hạ có đủ thiên lương, chút biết hối ngộ, biết quân quyền không thể cậy được, dân oán không thể khi (20) được, thì phải sớm quay về, tự thoái vị trước, đem chính quyền dâng trả lại cho quốc dân ta…, như vậy thì quốc dân ta còn lượng tình, không bạc đãi, cái kế của Bệ hạ không còn kế nào hơn (21).

Khi vua Khải Định sang Pháp, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đang sống và hoạt động tại Thủ đô Paris cũng đã có một số bài viết in trên báo *Humanité* (Nhân Đạo), *Le Journal du Peuple* (Báo Nhân dân). Không chỉ viết báo, Nguyễn Ái Quốc còn soạn vở kịch *Con rồng tre* (*Le Dragon de bambou*),

đến nay chưa tìm thấy bản thảo (22).Vở kịch bị chính quyền Pháp cấm, nhưng được đưa ra công diễn vào ngày 18-6-1922 tại câu lạc bộ ngoại ô Paris De Foubourg, nơi Nguyễn Ái Quốc thường xuyên lui tới hội họp. Nội dung vở kịch nhằm đả kích chế độ quân chủ và vua bù nhìn Khải Định thông qua hình tượng con rồng đẽo gọt bằng tre. Vở kịch kết thúc bằng những lời chế diễu sâu cay: "Là con rồng nhưng thật ra chỉ là một khúc tre. Là một khúc tre, nhưng lại hãnh diện có tên và hình dáng con rồng. Tuy vậy nó chỉ là một quái vật vô dụng" (23). Trước khi vua Khải Định lên tàu Anger về nước, Nguyễn Ái Quốc có bài *Thư gửi Khải Định* đăng trên báo *Le Journal du Peuple* ngày 9-8-1922 với tiêu đề *Kính gửi Hoàng thượng Khải Định, An Nam Hoàng đế, Vĩnh biệt V.V.C*. Bài viết sau những lời mỉa mai, châm chọc đã bày tỏ niềm tin vào sức mạnh của nhân dân khi kết luận: "…Nếu như ngài có đôi chút óc tưởng tượng, ngài sẽ thấy rằng ý chí của nhân dân - một ý chí đã được hun đúc trong nghèo đói và khổ cực - một ý chí còn mạnh hơn và dẻo dai hơn sóng cả, cuối cùng sẽ đánh bật dần cái tảng đá bề ngoài có vẻ vững chắc là sự áp bức và bóc lột kia đi" (24). Mấy tháng sau, vào ngày 19-2-1923, trên báo *Humanité*, cơ quan phát ngôn của Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, lại in bài viết *Vi hành* của Nguyễn Ái Quốc. Trong bài viết này, tác giả đã mượn nhân vật trong truyện để châm biếm mục đích chuyến đi Pháp của vua Khải Định: "Tôi không rõ ý đồ nhà "vi hành" của chúng ta ra sao. Phải chăng là ngài muốn biết dân Pháp, dưới quyền ngự trị của bạn ngài là Alêxăng đệ nhất (25) có được sung sướng, có được uống nhiều rượu, và được hút nhiều thuốc phiện bằng dân Nam, dưới quyền ngự trị của ngài, hay không?" (26).

Không chỉ có cộng đồng Việt kiều yêu nước tại Pháp mà ngay cả vua Thành Thái - đã bị chính quyền Pháp truất ngôi và đang bị đày ở đảo Réunion - cũng đầy nghi vấn và ngờ vực khi nói rằng: Nếu cuộc viếng thăm nước Pháp của Khải Định có lợi ích gì cho Việt Nam thì cũng nên làm. Nhưng than ôi, tôi biết rõ nhân cách của Khải Định. Y sẽ chẳng dám nói gì cả, và cũng chẳng dám làm gì hay ho cho xứ sở trong cuộc du hành này (27).

Sau chuyến đi Pháp trở về, đầu năm 1923, vua Khải Định muốn học theo các vị vua trước, chủ trương tổ chức lễ Tứ tuần đại khánh một cách long trọng. Công việc truyền đạt ý chỉ của nhà vua tới các đình thần trong triều và các địa phương, cũng như các hoạt động chuẩn bị kéo dài trong nhiều tháng. Tiếp sau các nghi lễ, sự kiện diễn ra suốt mấy tháng kể từ tháng 3 năm 1924, ngày 29-9-1924, buổi lễ mừng "thọ" chính thức được tổ chức tại sân Đại Triều nghi và trong Điện Thái Hòa, với sự tham dự của Toàn quyền Đông Dương M. Merlin và Khâm sứ Trung Kỳ P. Pasquier.

Do ngân khố eo hẹp, các khoản chi phí cho chuyến đi Pháp năm 1922 và Lễ Tứ tuần đại khánh khá lớn, đã khiến triều đình Huế buộc phải tìm cách bù đắp. Để tăng thêm ngân khố chi tiêu cho nhà vua và hoàng tộc, vua Khải Định đã ban hành đạo dụ vào tháng 11-1923 để tăng thuế ruộng đất ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ lên 30%. Theo đạo dụ này và tiếp sau là thực hiện Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 27-12-1923, bắt đầu từ ngày 1-1-1924, ở các địa phương thuộc địa giới Bắc Kỳ và Trung Kỳ, ruộng hạng nhất tăng từ 1,5 đ lên 2,0 đ, ruộng hạng hai từ 1,2 đ lên 1,6 đ, ruộng hạng ba từ 0,8 đ lên 1,0 đ. Thuế đất hạng nhất từ 1,5 đ lên 2,0 đ, hạng hai từ 0,7 đ lên 0,9 đ, hạng ba từ 0,5 đ lên

0,6 đ, hạng tư từ 0,4 đ lên 0,5 đ (28). Chính sách tăng thuế của triều đình Khải Định đã trở thành gánh nặng của nông dân, làm dấy lên tư tưởng bất mãn và làn sóng phản ứng trong các tầng lớp cư dân nông thôn lúc đó.

2. Vua Khải Định băng hà và Hiệp ước Monguillot

Trong hoàn cảnh triều đình Huế ngày càng mất dần vị thế và uy tín trong nhân dân thì sức khỏe của vua Khải Định cũng ngày càng giảm sút. Từ mùa xuân đến mùa thu năm 1925, mặc dù được các thầy thuốc Đông Y và Tây Y cứu chữa nhưng bệnh tình nhà vua vẫn tiếp tục nặng thêm và đến 5 giờ sáng ngày 21 tháng 9 tức ngày 6-11-1925, vua Khải Định băng hà ở lầu Kiến Trung, hưởng dương 41 tuổi.

Ngay sau khi vua Khải Định chết, chính quyền Pháp ở Đông Dương do Monguillot đứng đầu đã tổ chức họp khẩn với các Thượng thư triều Nguyễn. Cuộc họp được tổ chức ở Tòa Khâm sứ dưới sự chủ trì của Toàn quyền Monguillot, với sự tham gia của Khâm sứ Trung Kỳ P.Pasquier. Tham dự cuộc họp về phía triều đình Huế có nguyên Văn Minh điện đại học sĩ trí sự Tôn Thất Hân, Viện trưởng Viện Cơ mật Nguyễn Hữu Bài, Thượng thư bộ Lễ kiêm bộ Học Hồ Đắc Trung, kiêm nhiếp Phủ Tôn nhân Tôn Thất Trạm, Thượng thư bộ Công Võ Liêm, Thượng thư bộ Hình Trần Đình Bá, Thượng thư bộ Hộ Phạm Văn Thụ, và các công chức Tòa Khâm sứ (29).

Hội nghị bàn bạc một số vấn đề, trong đó có việc xác định chức trách, nhiệm vụ của từng thành viên trong Hội đồng Phụ chính (30). Tôn Thất Hân được cử làm Phụ chính Thân thần, có nhiệm vụ lo các nghi lễ cho đến khi Đông cung Hoàng thái tử (tức vua Bảo Đại sau này) trưởng thành. Còn Nguyễn Hữu Bài vẫn giữ chức Viện trưởng Viện Cơ mật…

Đặc biệt, hội nghị đã bàn bạc và đi tới thống nhất ký kết bản Hiệp ước giữa Pháp và triều đình Huế trong ngày 6-11-1925. Đại diện phía chính quyền Pháp là Monguillot (31), Quyền Toàn quyền Đông Dương; đại diện phía Triều đình Huế gồm Tôn Thất Hân, Nguyễn Hữu Bài, Hồ Đắc Trung, Tôn Thất Trạm, Võ Liêm, Trần Đình Bá, Phạm Văn Thụ, Nguyễn Đăng Tâm (32).

Trên thực tế, Hiệp ước năm Ất Sửu (1925) "không phải là lâm thời thảng thốt soạn ra" trong chốc lát, mà đã được các vị toàn quyền Pháp như M. Long, M. Merlin và F.Monguillot "nhuận duyệt", đồng thời đã được tâu trình vua Khải Định khi còn sống (33). Đó là lý do giải thích vì sao bản quy ước được soạn thảo và ký kết rất nhanh, ngay trong ngày 6-11-1925, sau khi vua Khải Định băng hà mấy giờ đồng hồ.

Nội dung bản Hiệp ước (có người gọi là Quy ước, Thỏa ước…) bao gồm mấy điểm chính sau đây:

1. Các công việc về tư pháp, chỉnh lý công vụ cho đến tuyển chọn bổ dụng quan lại do chính quyền Pháp quyết định. Riêng đối với xứ Trung Kỳ trước khi quyết định, chính quyền Pháp cần bàn bạc với các Thượng thư đứng đầu các bộ.

Triều đình Huế chỉ chuyên lo các việc ân xá, ân thích và phong tặng các tước vị cho thành viên hoàng gia, phong thần hiệu trong hai xứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức vị thượng thư trong triều do Hoàng đế quyết định sau khi hiệp thương với Khâm sứ Trung Kỳ và có ý kiến của Toàn quyền Đông Dương.

2. Các khoản chi tiêu thuộc ngân khố Nam triều được tính gộp trong ngân sách

xứ Trung Kỳ. Triều đình lập một ngân sách riêng, giao cho Thượng thư bộ Hộ quản lý để chi cấp bổng lộc cho các thành viên hoàng tộc, đồng thời chi phí cho việc tu bổ lăng tẩm, miếu điện, cúng tế trong triều.

3. Hội nghị các Thượng thư do Khâm sứ Trung Kỳ chủ trì. Trong trường hợp Khâm sứ vắng mặt hoặc bận việc thì cần cử người đại diện thay thế.

4. Hiệp ước có hiệu lực từ ngày ký (ngày 6-11-1925 (tức ngày 21 tháng 9 năm Ất Sửu).

Sau khi ký kết bản Hiệp ước, Khâm sứ Pháp ở Trung Kỳ đã gửi bố cáo đến quan chức các tỉnh để thông báo về hai vấn đề quan trọng đã quyết định trong cuộc họp với các Thượng thư triều Huế gồm: 1- Đông cung điện hạ (Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy) đã lên ngôi thay vua Khải Định vừa băng hà; 2. Ký kết Quy ước Monguillot.

Với những nội dung như trình bày ở trên, Hiệp ước Monguillot 1925 đã trao thêm những quyền hành quan trọng cuối cùng trong cai quản đất nước cho chính quyền Pháp mà trực tiếp là Khâm sứ Trung Kỳ. Còn Hoàng đế An Nam được "ở ngôi cao nhất, nhưng không trực tiếp tham chính" (34), thực chất là chỉ tồn tại làm vì.

3. Những thay đổi trong bộ máy triều đình Huế sau năm 1925

Vào đầu thế kỷ XX, trước những biến động của tình hình đất nước, bộ máy triều Nguyễn có một số thay đổi, bắt đầu từ Viện Cơ mật. Trong hoàn cảnh vua Thành Thái bị truất ngôi, vua Duy Tân lên nối ngôi còn nhỏ tuổi nên Phủ Phụ chính được thành lập do Trương Như Cương đứng đầu để giúp nhà vua điều hành các công việc triều đình. Đặc biệt, để đáp ứng nhu cầu mở mang văn hóa, giáo dục trong bối cảnh tác động của xu hướng duy tân cải cách trong khu vực và tại Việt Nam, bên cạnh Lục bộ, triều đình nhà Nguyễn đã cho đặt thêm bộ Học vào năm 1908, và cử Hiệp biện đại học sĩ Thượng thư Cao Xuân Dục phụ trách (35).

Đến cuối năm 1925, với các nội dung quy định trong Hiệp ước Monguillot, vua chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Nhà vua là người đứng đầu triều đình nhưng không còn thực quyền cai trị đất nước, mà chỉ còn chức năng thực hiện các nghi lễ, phong thưởng, phong thần, chăm lo đời sống hoàng tộc. Ngân sách chi tiêu cũng bị hạn chế và đặt dưới sự kiểm soát của Khâm sứ Trung Kỳ. Các công việc khác từ tuyển lựa bổ nhiệm quan lại, tổ chức bộ máy triều đình và cai quản đất nước đều do chính quyền Pháp chỉ đạo. Ngay việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các thượng thư - ngạch quan lại cao cấp nhất trong triều cũng phải được sự đồng thuận của Khâm sứ Trung Kỳ hoặc Toàn quyền Đông Dương. Chính vì vậy, từ thời điểm ký Hiệp ước Monguillot năm 1925, nhà vua cũng như triều đình Huế hoàn toàn không còn quyền hành trong công việc cai trị đất nước.

Để kiểm chế và chỉ đạo các hoạt động của triều đình Huế sau khi ký Hiệp ước Monguillot năm 1925, Khâm sứ Trung Kỳ đã đặt ba phái viên làm đầu mối liên hệ giữa triều đình với Tòa Khâm sứ, bao gồm: một phái viên phụ trách bộ Hình, một người phụ trách bộ Lại và bộ Binh, và một phái viên phụ trách ba bộ còn lại là bộ Hộ, bộ Lễ và bộ Công (36). Bộ máy triều đình và các hoạt động triều chính cứ tồn tại kéo dài như thế cho đến khi vua Bảo Đại về nước vào năm 1932.

Sau 10 năm học hành ở Pháp, đầu tháng 9-1932, vua Bảo Đại về đến Kinh đô Huế. Ít ngày sau đó, nhà vua ra đạo dụ số 1 tuyên bố chấp chính, đồng thời hủy bỏ bản Quy ước ngày 6-11-1925 đã ký giữa triều đình Huế với chính quyền Pháp. Nhằm giành lại chút quyền hành đã mất theo bản

Hiệp ước năm Ất Sửu năm 1925, vua Bảo Đại liền ban hành đạo dụ số 29 cải tổ bộ máy chính quyền đầu não của Nam triều. Thực hiện đạo dụ này, 5 vị thượng thư cao tuổi được nghỉ hưu trí, bao gồm Nguyễn Hữu Bài (Thượng Thư bộ Lại), Võ Liêm (Thượng thư bộ Lễ), Tôn Thất Đàn (Thượng thư bộ Hình), Phạm Liệu (Thượng thư bộ Binh), Vương Tứ Đại (Thượng thư bộ Công). Đồng thời từ năm 1933, vua Bảo Đại đã tiến hành các cải cách nhằm thay đổi cơ cấu, số lượng các bộ cũng như bổ sung một số nhân sự trẻ hơn nắm giữ các vị trí chủ chốt các bộ, trong đó có những trí thức được đào luyện trong môi trường giáo dục Tây học như Bùi Bằng Đoàn (sinh năm 1889, tốt nghiệp Trường Hậu bổ Hà Nội năm 1911, giỏi cả Hán văn và Pháp văn), và Phạm Quỳnh (sinh năm 1892, tốt nghiệp Trường Trung học Bảo hộ, chủ bút Tạp chí *Nam Phong* và là nhà báo, nhà hoạt động xã hội nổi tiếng, Hội trưởng Hội Trí tri Bắc Kỳ), Ngô Đình Diệm (sinh năm 1901, tốt nghiệp Trường Hậu bổ Hà Nội năm 1921).

Về thành phần và tên gọi các bộ trong Chính phủ, vua Bảo Đại quyết định hủy bỏ bộ Lễ và thành lập *bộ Công tác Mỹ thuật và Lễ nghi* do Thượng thư Thái Văn Toản đứng đầu, Bộ Học bị xóa bỏ và thành lập *bộ Quốc gia Giáo dục* và bổ dụng Thượng thư Phạm Quỳnh phụ trách kiêm chức Ngự tiền văn phòng Tổng lý đại thần, bộ Hộ chuyển thành *bộ Tài chính và cứu tế xã hội* do Thượng thư Hồ Đắc Khải đứng đầu, bộ Hình đổi thành *bộ Tư pháp* do Thượng thư Bùi Bằng Đoàn phụ trách, và cuối cùng là bổ dụng Thượng thư Ngô Đình Diệm (37) đứng đầu *bộ Lại*. Bộ Binh bị bãi bỏ (38) và giao các công việc quân sự cho bộ Lại quản lý. Đến năm 1939 (39), bộ máy chính quyền triều Nguyễn tiếp tục được điều chỉnh, đưa số bộ lên 7 bộ. Trong đó có bộ *Kinh tế nông thôn, Thủ công nghiệp và Cứu tế xã hội* mới được thành lập theo đạo dụ ký ngày 11-3-1935 của vua Bảo Đại (40).

Cùng với việc thay đổi số lượng và chức năng nhiệm vụ các bộ, vua Bảo Đại còn ban hành đạo dụ số 44 quy định hệ thống các chức danh, phẩm hàm và qui cách bổ dụng quan lại của chính phủ Nam triều. Ngoài ra, vua Bảo Đại và chính quyền Pháp còn ra một số văn bản cải tổ thành phần, chức năng, nhiệm vụ của Viện Dân biểu ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ nhằm nâng cao vai trò của cơ quan dân cử, nhưng thực tế là xóa bỏ vai trò của chính phủ Nam triều.

4. Kết luận

Trong bối cảnh vai trò của triều đình ngày càng giảm sút và tâm trạng đình thần rối ren sau cái chết của vua Khải Định, ngày 6-11-1925, chính quyền Pháp đã chủ động đề xuất và ký với Hội đồng Thượng thư triều Huế bản Hiệp ước Monguillot năm 1925 nhằm chiếm đoạt nốt những quyền hành cuối cùng của vua quan triều Nguyễn. Theo bản hiệp ước này, các công việc quan trọng, các quyết định lớn nhỏ, liên quan đến điều hành và cai quản đất nước, bổ nhiệm quan lại trong triều đều phải phụ thuộc vào chính quyền Pháp, trực tiếp là Khâm sứ Trung Kỳ và Toàn quyền Đông Dương. Triều đình Nguyễn về danh nghĩa vẫn do vua đứng đầu và các bộ nhưng chức năng hầu như chỉ còn ở trong phạm vi hoạt động nghi lễ, phong thần, khen thưởng công trạng chủ yếu cho các thành viên trong hoàng tộc. Tình trạng nhà vua không trực tiếp cầm quyền và điều hành triều chính (do vua Bảo Đại đang học ở Pháp) kéo dài từ tháng 11 - 1925 đến tháng 9-1932. Sau khi về nước nắm quyền, vua Bảo Đại đã tìm cách giành lại một số quyền hành, củng cố quyền lực bằng cách cải tổ bộ máy chính quyền đầu não, như

xóa bỏ một vài bộ và thành lập một số bộ mới, đồng thời đề ra các quy định mới về tiêu chuẩn và bổ dụng quan lại cao cấp trong triều. Nhưng mọi cố gắng của Bảo Đại đều trở nên vô dụng. Lý do là vì một quy định có tính nguyên tắc tối thượng đã được thống nhất giữa triều đình Huế và chính quyền Pháp là các chủ trương, quyết định của nhà vua và Nam triều đều do Khâm sứ Trung Kỳ quyết định hay nói cách khác, phải thông qua Khâm sứ Pháp ở Trung Kỳ với sự đồng thuận của Toàn quyền Đông Dương. Chính vì vậy, từ sau năm 1925, triều Nguyễn chỉ còn là công cụ chuyển tải và thực thi các chủ trương đường lối của thực dân Pháp trong cai trị đất nước. Trong 20 năm cuối cùng kể từ cuối năm 1925 đến khi bị lật đổ hoàn toàn trong Cách mạng tháng Tám 1945, triều Nguyễn trên thực tế chỉ còn là cái xác không hồn, tồn tại lay lắt bên cạnh hệ thống chính quyền nắm thực quyền cai trị đất nước của thực dân Pháp.

CHÚ THÍCH

(1). Nguyễn Kỳ Nam, *83 năm… nước Pháp với Việt Nam đã mấy lần ký hiệp ước*, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr.28.

(2). Dương Kinh Quốc, *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước cách mạng tháng Tám 1945*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr.177, 178.

(3). Tạ Thị Thúy (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam tập VIII 1919-1930*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr. 82; và Tạ Thị Thúy (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam tập 8 từ năm 1919 đến năm 1930*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013, tr. 85.

(4). Maurice Antoine François Monguillot là Toàn quyền Đông Dương 3 lần: lần 1 từ 5/1919 - 2/1920; lần thứ hai từ ngày 23-4-1925 đến ngày 18-11-1925, và lần thứ ba từ ngày 1-11-1927 đến ngày 22-8-1928. Còn Alexandre Varenne làm Toàn quyền Đông Dương từ ngày 18-11-1925 đến ngày 22-8-1928.

(5). Võ Hương An, *Từ điển nhà Nguyễn*, Nxb. Nam Việt, California, Hoa Kỳ, 2012. tr.243.

(6). *Indochine Francaise*, *L'Annam*, Hanoi, 1931, IDEO, tr.99.

(7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (18), (29), (33), (34), (35). Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam Thực lục Chính biên Đệ thất kỷ*, Cao Tự thanh dịch và giới thiệu, Nxb. Văn hóa-Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2012, tr. 98, 177, 307, 224, 303, 234-235, 379, 269, 526, 533, 532, 533.

(14). Khiếu Năng Tĩnh quê ở huyện Đại An, phủ Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, sinh năm 1835, mất năm 1915. Ông đỗ đồng tiến sĩ xuất thân năm 1880, từng làm Đốc học Hà Nội, Tế tử Quốc Tử giám.

(15), (16). Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đồng Khánh, Khải Định chính yếu*, Nxb. Thời đại - Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2010, tr.324, 11.

(17). Võ Hương An, *Từ điển nhà Nguyễn*, Nxb. Nam Việt, Hoa Kỳ, 2012, tr.310.

(19). Phan Châu Trinh, *Thất điều thư*, trong Nguyễn Văn Dương, *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, Nxb. Đà Nẵng, 1995, tr.613.

(20). "Khi" tức là lừa dối, khinh thường.

(21). Phan Châu Trinh, *Thất điều thư*, trong Nguyễn Văn Dương, *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, sđd, 1995, tr.618.

(22). Thu Trang (Công Thị Nghĩa), *Nguyễn Ái Quốc tại Paris*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.216.

(23). Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, in lần thứ hai, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr.37.

(24). Nguyễn Ái Quốc (1922), *Thư gửi Khải Định*, trong *Hồ Chí Minh Toàn tập* (2011), tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.118, 119.

(25). Alexandre Millerand là Tổng thống Pháp lúc bấy giờ, được gọi theo kiểu vua chúa để châm biếm, đồng thời chế diễu Khải Định.

(26). Nguyễn Ái Quốc, *Vi hành*, trong *Hồ Chí Minh Toàn tập* (2011), tập 1, sđd, tr.176-177.

(27). Theo Thu Trang (Công Thị Nghĩa), *Nguyễn Ái Quốc tại Paris*, sđd, 2002, tr.269.

(28). *Journal official de l'Indochine francaise*, số 3, ngày 9-1-1924.

(30). Kể từ sau Hiệp ước Patenôtre (1884), Hội đồng Phụ chánh, thường gọi là Phủ Phụ chánh (chính), được lập ra dưới sự chỉ đạo của người Pháp để giúp vua/triều đình cai quản đất nước, nhất là khi vua còn nhỏ tuổi. Lần thứ nhất, Phủ Phụ chính được lập ra vào năm 1889 sau khi vua Đồng Khánh băng hà, vua Thành Thái kế vị mới lên 10 tuổi. Lần thứ hai Hội đồng Phụ chính thành lập vào năm 1907, khi vua Thành Thái bị truất ngôi do có tư tưởng chống Pháp, để nhường cho Hoàng tử Vĩnh San mới 8 tuổi, lên thay, lấy niên hiệu là Duy Tân. Còn lần thứ ba chính là vào năm 1925, sau khi vua Khải Định băng hà, còn Đông cung Hoàng Thái tử nối ngôi, nhưng mới có 12 tuổi và đang học ở Pháp. Xem Võ Hương An (2012), *Từ điển nhà Nguyễn*, sđd, tr.501, 502.

(31). Nhưng có tác giả cho rằng người đại diện chính quyền Pháp ở Đông Dương là Toàn quyền A.Varenne. Xem: Tạ Thị Thúy (chủ biên) (2007), *Lịch sử Việt Nam tập VIII 1919-1930*, sđd, tr.82; và Tạ Thị Thúy (chủ biên) (2007), *Lịch sử Việt Nam tập 8 từ năm 1919 đến năm 1930*, sđd, tr.85. Tuy nhiên, trong văn bản hiệp ước cũng như trên thực tế, đại diện phía Pháp ký bản Hiệp ước này được ghi là F. Monguillot, lúc đó đang làm Toàn quyền Đông Dương, còn A. Varenne mãi 12 ngày sau đó, tức ngày 18-11-1925 mới sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương.

(32). Toàn văn bằng tiếng Pháp xin xem trong *Arrêté du Gouverneur Général au sujet de la Convention du 6 Novembre 1925 réglant les rapports entre le Gouvernement annamite et le Protectorat*, trong *Bulletin administratif de l'Annam*, N0. 22, 1925, p.1360-1363.

(36). Xứ An Nam trong *Những người bạn cố đô Huế*, tập XVIII, 1931, Nxb. Thuận Hóa, 2003, tr.153. Tham khảo thêm trong *L'Annam*, BAVH, 1931, p.111.

(37). Trong sách *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1919-1945*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, tác giả Dương Trung Quốc ở trang 226 viết Ngô Đình Diệm là Thượng thư bộ Tư pháp. Nhưng theo các nguồn tài liệu tin cậy khác thì Thượng thư bộ Tư pháp trong Chính phủ Bảo Đại vào thời điểm năm 1933 là Bùi Bằng Đoàn. Cùng quan điểm này còn có các sách của Đinh Xuân Lâm - Trương Hữu Quýnh (chủ biên), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt* Nam, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2005, tr.135; và Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Tái bản lần thứ VIII, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2006, tr.27.

(38). Võ Hương An, Từ điển nhà Nguyễn, sđd, 2012, tr. 57 và 61.

(39). Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1919-1945*, sđd, 2001, tr. 226.

(40). L.,Jean (1939), *Légistation coloniale générale et régime légistatif, administratif et Judiciaire de l'Indochine*, tr.249-254. Theo Dương Kinh Quốc, *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước cách mạng tháng Tám 1945*, sđd, 2005, tr. 181.